190

số 190

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1 $ 20

VỀ VƯỜN HƠI MUỘN...

NGHE đâu sau cuộc trừng thanh lại trị có mấy vị tỉnh trưởng và phủ huyện hoặc phải triệu hồi, hay triệt hồi, dư-luận trong quan trường rất sôn-sao, bàn-tán.

Có mấy ông lấy làm bất mãn vì tòa khâm-sai làm như vậy sẽ giảm bớt giá-trị của các ông đối với dân, nên một số nữa đã đệ đơn xin về vườn.

Về vườn! Ngày xưa là cả một sự liêm khiết thanh cao.

Chu-văn-An, nhà Trần, sau khi dâng sớ thất trảm, nhà vua không nghe, ung dung cởi mũ lui về Chí-Linh lãm một tiều ẩn.

Trần-nguyên-Đán thấy họ Hồ uy hiếp nhà vua cũng từ quan lui về Côn sơn bạn cùng hoa cỏ.

Nguyễn Trãi, nhà Lê, khi bốn phương đã định, tám cõi thăng bình xin về tri sĩ để an hưởng tuổi giời.

Những gương ở ẩn cũng không thiếu gì trong sử sách, thì như sử sĩ La sơn Nguyễn Thiệp, và gần đây thám hoa Nguyễn đức Đạt, cử nhân Võ Thạch Nguyễn huy Đức, cử nhân kim cổ Ngô văn Dụng v.v... đó là những bậc biết trọng liêm sỉ, giữ tiết tháo, xuất đã cao mà sử lại càng rõ rệt, phải chang người xưa thi hành đúng cái đức tính tốt của kẻ sĩ.

Đến như nay, trong hồi Pháp thuộc các ngài đều là người cơm áo quốc gia, bảo rằng vì chế độ cai trị không thi hành được thiện chính cũng có, bảo rằng cũng vì chế độ ấy sinh ra tham-nhũng cũng không sai mấy. phỏng, ông Khâm-sai đã lĩnh mệnh đức Hoàng-Đế cai trị sứ này, lẽ tất nhiên phải vì danh-dự của quan trường mà gạn đục khơi trong, người có lương tâm, vốn giữ liêm tiết, nên mừng là phải, sao lại xin về, nước cờ ấy thấp lắm, tôi can các ngài

Phỏng thử các ngài muốn noi gương cổ nhân thì nên lui ngay từ hồi Pháp-thuộc, để khỏi chịu làm tay sai, khỏi thi hành tệ chính, có phải toàn danh toàn tiết không?

Ai cấm các ngài bắt trước Nguyễn tri Phương quan đến Khâm-sai tổng-thống mà lòng vẫn trung, tiết vẫn liêm, Hoàng-Diệu làm đến tổng đốc Hà Ninh mà gia đình vẫn nghèo túng, Phan thanh Giản kinh lược sứ không chịu nhận chè trong có dựng vàng, Nguyễn tư Giản Lại bộ thượng thư chịu phận nghèo làm ông đồ xứ Bắc, chẳng qua người xưa lập trí đã kiên, tin lòng càng vững, đến sau các ngài một là nhẹ dạ nghe người, hai là bị trào lưu lôi cuốn việc ấy cũng đáng hối, hối mà phải rút lui lại càng không nên lắm.

Trong lúc nước nhà cần người, các ngài nên nên ở lại đem tâm giúp nước, dân sự bao giờ cũng hết lòng kính trọng các bậc tuần lương, quyền vị của các ngài sẽ vì cái đức của các ngài hóa được lòng dân *« dĩ đức trị thiên hạ »* phải chăng là nhời trong sách!

Hoa sen ở bùn, gần bùn chẳng chịu hôi tanh, hoa lan trong bụi mùi hương vẫn thoảng xa, chúng tôi mong các ngài được như hoa sen, hoa lan, để quan trường lại gây được cái hương vị đời xưa.

NGUYỄN-TƯỜNG PHƯỢNG

Một vài ý-kiến về

VIỆC HỌC Ở NƯỚC TA

NGUYỄN NHÂN

NĂM ngoái, trên tạp-chí Tri Tân, chúng tôi có viết một thiên khảo-cứu 11 bài về vấn-đề « Học ». Sau khi đã khảo về sự tổ-chức các ngành tiểu-học và trung-học ở Pháp và Đông-dương, chúng tôi có trình bầy cả một chương trình cải cách.

Nhưng khi mà nước ta còn Pháp-thuộc, thì những sự cải-cách chúng tôi nêu lên đó dù sao cũng không ra ngoài được cái khuôn khổ, ra ngoài những đại-cương của chế-độ giáo-dục mà nước Pháp đã đặt ở đây tỉ dụ như không thể nghĩ đến sự loại bẩn tiếng pháp ra khỏi chương trình tiểu-học, và chương trình trung học của ta đại-khái vẫn phải dựa vào chương-trình trung học của người Pháp nếu muốn đi đến cùng một thứ văn-bằng là văn-bằng tú-tài Pháp.

Bây giờ tình thế đã khác hẳn. Nước ta đã là một quốc gia độc lập. Bộ Học trong Nội-các Việt-nam đã được giao phó cho một nhà học-giả không những tây học giỏi mà nho-học cũng giỏi nữa.

Chúng tôi tin rằng với một ông bộ-trưởng xứng đáng như thế, thế nào chúng ta cũng sẽ được thấy những sự cải cách lớn lao trong việc học ở nước nhà.

Những tin tức đầu tiên mà báo chí đã đem lại cho ta về vấn-đề này là một cuộc phỏng-vấn, trong đó ông bộ trưởng Hoàng xuân Hãn đã cho nhà phóng viên biết sơ sơ qua mấy điều dự định của ông, đại khái như sau này :

« Cấp tiểu học dài độ 5 năm (từ 6 đến 10 tuổi) ; chính phủ sẽ gắng sức làm cho cấp tiểu học thành ra bắt buộc. Cấp trung học cũng sẽ dạy trong 5 năm (từ 11 đến 15 tuổi) ; tùy ngân sách, nền trung học sẽ được mở mang nhiều hay ít. Sau khi tốt nghiệp trường trung học thanh niên sẽ vào lớp chuyên môn, chú ý là hướng dẫn người thanh niên đến một nghề nghiệp rõ ràng. Thời hạn sẽ là 3 hay 4 năm. Kết quả là đến 20 tuổi, người Việt-nam đã thành ra hữu dụng, đã có một nghề trong tay, đã có thể giúp ích cho nhà cho nước, chứ không phải ôm một mớ kiến thức mập mờ mà thất nghiệp, như học sinh trường trung học trước đây ».

Chẳng cần phải dẫn đo gì, chúng tôi thấy rằng cái chương trình phác họa ra đấy thật là hay lắm. Bài phỏng-vấn trên đây kích thích sự tò mò của tôi vô cùng. Đã từ lâu tôi vẫn hằng lưu tâm đến việc học ở nước nhà. Tôi cũng đã từng nghĩ đến cải cách điều này điều nọ. Nghĩa là về vấn đề này, tôi không đến nỗi mù mịt lắm. Tôi nóng muốn biết ông bộ trưởng Hoàng xuân Hãn cho quốc dân thấy những chi tiết trong chương trình cải cách của ông.

Thì cách đây ít lâu, lại một tin nữa đưa ra : bộ Học ở Huế đã đưa ra cho sở Học chính Bắc-kỳ mấy điều cải cách thuộc về cấp tiểu-học, như thì Sơ-học bỏ tức dùng toàn quốc ngữ, bỏ thi sơ học yếu lược, học trò lớp Sơ đẳng chỉ cần một tờ chứng nhận là có bổ lên lớp trên, chứ không phải thi nữa.

Mấy chi-tiết con con ấy là ước cả sự ước ao của quốc dân từ bao lâu nay.

Đã bao nhiêu học sinh chỉ có thể có cái bằng Sơ học pháp-việt (bây giờ gọi là Sơ học bổ tú) mà rớt hết năm này sang năm khác, chỉ vì thiếu một vài điểm về bài ám tả hay bài luận pháp-văn. Còn gì vô ý bằng cùng ở trong một trường tiểu học, mà học hết lớp sơ đẳng lại phải qua một kỳ thi mới được lên lớp trung đẳng. Đã bao nhiêu trẻ em chỉ vì rớt kỳ thi ấy mà phải đẩy ra khỏi trường công : nếu bố mẹ không có tiền cho con học tư, thì thôi thế là xong cả một đời học vấn.

(Xem tiếp trang 17)

VĂN TẾ CÁC TƯỚNG SĨ TRẬN VONG
SAU MẤY TRẬN ĐÁNH NHAU VỚI QUÂN PHÁP

Trong năm Tự đức, quân ta đánh nhau với quân giặc Pháp mấy trận ở Đà-nẵng và ở cần-giờ, tướng sĩ phần nhiều chết hại. Triều đình sai quan đặt một tuần tế để tế các tướng sĩ tử trận, do ông Lê Khắc Cẩn phụng soạn bài văn tế này.

Dịch âm

Hoàng đế đặc khiển cụ thần trí tế vu trận vong tướng sĩ chi linh viết :

Ô hô hoàng sa bạch nhật, Bi hề huyết đan tâm. Thử thân nam tử, Bạo khí cổ cầm. Phú thủy vô ưu, Tử nhi vô hối. Thốn hoài khả hóa, Thất xích tắc khinh. Cố tráng sĩ do tu bệnh ử, Trượng phu bất dữ tặc sinh. An năng bạ thủ đồ điền, Nhẫn khí thôn thanh, Phụ thử quan kiếm nhi nhục chiến tinh dã da ?

Nhiên nhi tử đệ trọng hỹ Khởi kỳ ẩm thường trịch chi. Hồ bất vi nhạc vương quân báo quốc chi bôi, Mã phục ba lập công chi thi ? Hựu bất vi Ông Trọng chi đồng thân dĩ kinh sóc mạc, Vi long môn chi thiết điện dĩ tĩnh biên thùy ? Nại chi bà trường thành hoại kỷ, Phủ ưng dĩ nhi Thiên âm nhật bắc, Trảo nộ đồng bi Tử tắc sở ngộ chi hữu bất nhất, Nhi phi phù nhân chi sở nguyện vi. Hựu an cam phá lâm phong nhi tỷ ỷ, Vân thanh nhi khư hỹ. Thong dụ trận vong tướng sĩ đẳng, Hoặc minh kiếm nhi phó địch, Hoặc phụ vũ nhi tòng quân, Hoặc nhạo quan nhi tham tán, Hoặc lương gia nhi mãn vân Đồn sơn vương quốc, Cầu thị vương thân Dương ung hàm lỗ Trẫm tắc hữu nhân. Tự Dương chi nhạ sự, Dữ ngã quốc nhi vi thù. Dĩ phụ ngung chi cuồng hồ, Vi minh lâm chi kiềm lộ. Phu thiên cộng phẫn Xích tử đồng cừu. Trần qua tọa giáp, Bạch quỷ thị cầu. Trẫm cung tiêu bẩn, Nhữ ran tắc nộ ; Nhữ thề bàn thử, Trẫm tâm tắc sầu. Vị khải ca chi hữu nhật, Tương huân lao chi mạc thù. Vãn hà thủy dĩ tẩy giáp Khánh nhất đường chi đồng hưu. Phường kỳ ân lũy liệt đỉnh Sương nghiêm hỏa tốc Thị ngã tinh kỳ Chỉnh ngõ bộ khúc Khởi vô trường thốc, Quán tặc chi mục. Khởi vô long toàn, Khóa tặc chi phúc Đại phù tam lệnh nhi tuân Nhất cổ nhi tác mục trong liệt thi Đầu thượng chỉ phát. Thệ tâm tặc bi, Dĩ cung ngã y. Thệ thực tặc nhục. Dĩ sung ngã phúc. Tư cố tráng chi khả gia. Hùng tâm hạt phụ. Khởi bất túc dĩ phấn chi bình nhung. Dương tiễn phá lỗ dã tai. Hồ vi phong sương nhữ đố, Phong nhận nhữ ngộ. Nhữ thủ tuy lý. Nhữ kiến tại thả Nhữ thân huyết bạn. Nhữ phẩu như đầu. Thị khởi tặc chi năng dĩ sát nhữ Trực hữu dĩ kiên như chi trung tố Ô hô ! Hồng mang nhi khinh tử cách thực ác. Nhữ tu hưu tri Cương tràng bất nại Tất bất hóa vi tước huỳnh, Thiêu vi hủ thảo. Hồng kỳ xung đầu quang nhi vi đào, Thác nộ phong dĩ vi pháo. Thượng ẩn ẩn hồ trà sơn chi diễm, Cầu bả chi áo. Dĩ hậu vương mệnh chi uy linh, Nhi trì phù bỉ dương chi cuồng bạo. Trảm tượng mệnh tướng xuất sư, Gắn ngã trường kỳ. Dĩ thư nhữ khí ;

Dĩ tuyết nhữ sĩ, nhữ hữu phụ mẫu Trẫm tắc chẩn ủy. nhữ hữu tử tôn, Trẫm tắc y bị. nhi thử nhất duyên chi tử, nhất tràng chi ai. Tắc trẫm tâm chi bất năng dĩ dĩ. Tư tắc thanh thảo tại dã Bạch hồng tại cung nhữ linh kỳ lai Hoặc ủy nhữ chung ngã dao khả ẩm, Hoặc toàn năng thông. ngã cam khả thực. Bạch cốt kỳ đồng. Vô vi nhi nữ Hồn nghi quỷ hồng Tuy bỉ dương tặc, Lựu xú kinh phong Ai ai !

***

Dịch nghĩa

Hoàng đế sai quan trí tế các linh hồn tướng sĩ chết trận rằng :

Than ôi ! cát vàng trời trắng, mặt biển lộng sóng tấm thân người cơn giận ấy là do cái khí lớn lao của đời xưa đời nay hợp lại. Ngày như người ta ai là chẳng chết, nhưng chỉ hơn nhau là chết mà làm một cái hồn thiêng liêng. Tấc lòng có thể phó cho việc nghĩa mà tấm thân thước thì coi làm nhẹ. Cho

nên kẻ tráng sĩ đều lấy làm hổ-nhục phải chết vì ốm, đấng trượng phu không chịu cùng sống với quân giặc thù, khi nào lại chịu cúi đầu cắm mặt, nuốt tiếng, nhịn hơi, cố phụ với cái mũ cái gươm mà chịu nhục với mùi tanh mùi hôi hay sao!

Song sự chết cũng là việc trọng, há nên ném bỏ đi một cách tầm thường: Sao không làm cái lưng bảo quốc của tướng quân họ Nhạc (1), làm cái thây lập công của Phục-hà họ Mã (2)? Lại không làm thân đồng Ông-Trọng khiến miền Sóc-mạc phải kinh sợ làm mặt sắt Long môn khiến chốn biên thùy được yên tĩnh? Cớ chi mà thành dài sụt đổ, vỗ bụng buồn tênh! Trời tối mây đen cỏ cây cùng sót? Cái đó là sở ngộ mỗi người mỗi khác, nào phải ở ý người mình như thế đâu. Cho nên làm sao đừng được thổn thức bồi hồi khi đứng trước gió và khi mảng thấy tiếng.

Hỡi ơi! các tướng sĩ trận vong, hoặc gỗ thanh gươm mà đi đánh giặc, hoặc cõng mền lông mà đi tòng quân, hoặc nội mũ nhà nho mà giúp việc binh, hoặc xuất thân lương-gia chen vào hàng ngũ, cùng sinh nước nhà vua, đều là tôi nhà vua, trẫm do đó mà sắn cái những người mạnh mẽ như chim ưng phấn dương, như muông hùm nhai nuốt từ khi quân rợ bể tây gây việc cùng nước ta kết mối thù hằn, lấy cái thế hổ đàn tựa ở góc núi, làm con lửa xứ Kiềm kêu nhặng xộ từng (1), khiến cho trời xanh cũng giận, con đỏ cùng thù, ai nấy gối vào cây giáo, ngồi lên áo giáp, hăm hở đi tìm loài quỷ trắng để mà tru giệt. Mình trẫm phải vất vả sớm khuya, gan người tức tối, thân người phải giãi dầu nắng lạnh, lòng trẫm âu sầu. Vẫn chắc rồi khải ca có ngày, công lao biết lấy gì báo đền cho phải: vỗ kéo nước sông trời để rửa áo giáp cùng vui vẻ ở trong một nhà. Nghĩ đương khi đặt luỹ dàn đồn, sương nghiêm lửa nóng, ngắm những cờ xí của ta, sửa những bô khúc của ta; ha không có mũi tên dài bắn xuyên mắt giặc? Há không có gươm long-toàn mổ toang bụng giặc? Đến khi ba lần lạ lệnh mà đi ra, một phen thúc giục mà vùng dậy, khí tức sôi nổi đến nỗi trong mắt thì rách kẽ trên đầu thì dựng tóc; thề nằm da giặc để cung làm áo, thề ăn thịt giặc để cho no lòng. Đó là chí hăng hái đáng khen, lòng mạnh mẽ chẳng phụ, há không đủ vung tay diệt tay, giơ roi phá giặc hay sao! Làm sao, mà gương gió lại chen vở người? Gươm mác lại tai đến người? Đầu người tuy lìa mà tay người không rời thanh kiếm, mình người vẫy máu, mà mặt người vẫn lớn tây dấu. Đó chẳng phải quân giặc đã giết được người, thực chỉ để tỏ giãi tấm lòng của người đó thôi.

Than ôi! hỡi ôi! lông hồng không phải nhẹ đa ngựa thực ấm áp. Người chết đi mà còn có hay, thì cái lòng cứng rắn chắc không chịu nhụt, tất không hóa làm ma chơi, tan thành cỏ nát; tưởng sẽ xông lên ánh sao Đẩu mà biến thành con dao, nhập vào cơn gió giận mà hóa thành quả pháo; bốn thiêng còn lẩn quất ở đỉnh Trà-sơn ở vũng Cần-hải, để đợi cái uy linh của mệnh vua, mà làm ắt cái cuồng bạo của quân giặc tây kia. Rồi đây trẫm sẽ sai tướng ra quân, kén lấy những tài nghệ sở trường của ta, để làm cho bả được cái tức của người, rửa được cái hổ của người, người có cha mẹ, trẫm săn sóc vỗ về, người có con cháu, trẫm ban cấp quần áo; mà một tuần lễ tế một chén rượu vắng này là do ở lòng trẫm nhớ thương không sao nguôi được.

(Xem tiếp trang 13)

---

(1) *Nhạc phi đời Tống.*

(2) *Mã Viện đời Hán.*

(1) *Văn của Liễu Tông-Nguyên: Xứ Kiềm không có giống lừa; có người hiếu sự đem mấy con đem thả ở dưới núi, hổ trông thấy to lớn, sợ hãi không dám trêu, rồi một hôm con lừa hú lên hổ sợ quá, xa lánh. Về sau hổ quen với tiếng hý, không sợ như trước mà hơi nhòm với lừa, lừa giận lắm, đá cho một cái. Hổ nghĩ bụng mừng thầm: thế ra tài nghệ của nó chỉ có thế thôi ư? Bèn nhảy lên cắn cổ xé ăn lừa mà ăn hết rồi đi. Ý mỉa kẻ không biết giữa đất tự mua lấy cái dại.*

ĐẠI NAM ĐẾ SỬ

Số 62

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXV. — Lý Thánh-tông

Tức Nhật-Tôn, sinh năm 1023, lập thái-tử năm 1028, đến năm 1054 nối ngôi vua : trong 26 năm ra ở cung ngoài thành, biết hết những tình u-ẩn của dân, cho nên khi bắt đầu nối ngôi, nghĩ ngay đến việc của dân : « Tháng tư năm bính-thân (1056) ban chiếu khuyên dân làm ruộng » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 22 a) ; « Tháng tư năm canh-tuất (1070) trời làm đại-hạn lấy tiền và thóc ở trong kho để phát chẩn cho dân nghèo » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 29 b).

Lý Thánh-tông nhờ được cơ-nghiệp của ông cha đã sẵn sàng, nên thường nghĩ lấy văn-nhã để sửa-sang thái-bình. Nguyên tên hiệu nước ta, từ khi Đinh-tiên-hoàng độc-lập (968) gọi là Đại-Cồ-Việt. Gần một trăm năm, qua Lê Đại-hành (980-1005), Lý Thái-tổ (1009—1028), hàn-triều đã thay đổi, mà tên gọi vẫn theo nhau. Lý Thánh-tông cho tên gọi như thế, chưa được nhã-sáng, nên sau khi lên ngôi (1054) đổi tên nước là Đại-Việt (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 20 b).

« Tháng tám năm kỷ-hợi (1059) chầu ra triều-nhục. Vua ngự điện thủ-phương, sai trăm quan đội áo bỉ đầu và đi hài, bỉ tất vào cung Lôi-độ khánh bắt đầu vũ vũ đây trước. *Giao-chỉ di-biên* (là sách Tàu) chép rằng : « Xưa An-nam lập quốc, phàm việc đều giản-dị sơ lược. Đến họ Lý mới sửa sang cung-thất. Cung-điện thì có điện thủy-tinh, điện tiên-quang. Quan-chức trong ngoài thì có chức phụ-quốc thái-úy, giản-nghị đại-phu, tả hữu tỷ lang-trung, viên-ngoại-lang, xu-mật sứ, kim-ngô, linh-binh, để cho lễ-nhạc văn vật càng ngày càng vẻ vang » (*Khâm-định Việt sử*, q. 3, tờ 23 a-b).

« Đối với việc hình, Lý Thánh-tông rất nhân-từ : tháng mười năm ất-vị (1055), giời làm rét lắm. Vua bảo các quan tả hữu rằng : « Trẫm ở trong thâm-cung, mặc áo thú-tháo (lấy than làm hình thú để cho ấm) ngồi đệm hồ-cừu, mà còn rét như thế ! Huống bao những đứa tù trong ngục, ăn không được no, mặc không được kín, lại bị gió lạnh ! Trẫm rất thương-xót ». Bèn sai hữu tỷ cấp cho nệm và chiếu, mỗi ngày ba lượt cho ăn » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 21 a-b).

Tháng tư năm giáp-thìn (1064), Vua ngự điện Thiên-khánh xử kiện, Động-thiên công-chúa đứng hầu bên cạnh, Vua trỏ vào công chúa bảo ngục-lại rằng : « Ta có lòng thương dân cũng như con ta đây. Vì dân không biết, tự nhân mà vòng vào tội lỗi, trẫm rất thương xót. Từ nay trở đi, xét tội nặng nhẹ, cốt lấy lòng khoan hồng tha bổng (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 25 b-26 a).

« Năm đinh mùi (1067) cho Ngụy trọng Hòa và Đặng thế Tư làm đô hộ phủ sĩ sư, đổ mười người thư gia làm ăn ngục lại, cho Trọng Hòa và Thế Tư mỗi năm mỗi người năm mươi quan tiền và 100 bó thóc, cá và muối của tiên-nhân dùng. Mỗi người ngục lại mỗi năm được 20 quan tiền và 40 bó thóc để nuôi sư thanh liêm cho binh quan » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 21 a-b).

Về việc dưỡng liêm, Ngô Ngọ-Phòng (Ngô Thì-Sĩ) có bài bàn rằng : « Đời Lý các quan trong ngoài đều không có cấp bổng, quan trong thì thỉnh thoảng ban thưởng, quan ngoài thì giao cho dân mộ phương, được tùy tiện đặt thuộc hạ để thu những thuế điền thổ bờ đập của dân ấy ; hoặc dạy dân cày cấy, thả cá để lấy lợi. Đến đây binh quan mới có thường bổng. Vậy thì chỉ có binh quan mới được dưỡng liêm, còn các quan làm việc khác không dưỡng liêm hay sao ? » (*Lịch triều hiến chương*, bản sao trường Bác-cổ số A 50, q. *Quan-chức*, tr. 26).

« Năm tân-hợi (1071) định lệ chuộc tội. Nguyên xưa Lý Thái-tông (1028-1054) lập pháp phàm dân giàu và nhà thân-sĩ bậc đại-nông trở lên phạm tội đều cho nộp tiền chuộc tội. Đến đây (1071) định lệ rằng nếu nộp tiền thì phải theo tội mà nộp tiền, nhẹ nhiều nhẹ ít, cho có phân hạng » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 30 b).

Về võ-bị, Lý thánh-tông chú ý đến lắm: không phải vì lúc yên mà quên việc binh, cho nên năm vua đã định thêm hiệu quân. Năm kỷ hợi (1059) định các hiệu quân là: Ngự-long, Vũ-thắng, Long-dực, Thần-đi ện, Bổng-thánh, Bảo-thắng, Hùng-lược và Vạn-tiệp, mỗi hiệu đều có chia ra tả hữu, đều chạm vào chân ba chữ «thiên-tử quân», cũng như cách thức của vua Lê Đại-hành (*K. đ. V. s*, q 3, tờ 24 a).

Lý Thánh-tông có công to với quốc dân ở hai việc, một là việc lập Văn-miếu, hai là việc đánh Chiêm-thành, văn võ đều xuất sắc. Vả hay Thánh-tông đã noi theo á p ấp của tổ-tông là giả p áp sung Phật, nên «tháng tư năm 1056 Thánh-tông dựng chùa Sùng-khánh ở phường Bảo-thiên (thôn Tiên-thị huyện Thọ-xương Hà-nội), đắp mười ba tầng tháp, ao và mươi trượng, phất ra một vạn hai nghìn cân đồng để đúc chuông lớn, vua tự làm bài minh để khắc vào» (*K. đ. V. s*, q 3, tờ 22 a). Nhưng có ý chấn khuởi nho phong, nên «tháng tám năm canh tuất (1070) dựng văn-miếu ở phía nam thành Thăng-long, tô tượng Chu-công Khổng-tử và tứ phối (Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư và Mạnh-tử), vẽ tượng bảy mươi hai hạng tiên hiền (học trò đức Khổng-tử) để bốn mùa cúng tế, sai hoàng tử học» (*K. đ. V. s*, q 3, tờ 30 a)

Còn về việc đối với Chiêm thành, thì như thế này. Nguyên xưa Chiêm-thành thì là một nước thuộc về Giao-châu sau bị tiêu-diệt, hàng nước, đã gần một nghìn năm. Trong khoảng ấy, vì nước Ta chưa có người độc-lập quyết-hẳn cho có cơ-sở vững bền, nên Chiêm-thành thường hay quấy nhiễu ngoài biên. Mỗi lần quấy nhiễu Ta lại bị người Tàu hoặc quan ta đánh nhưng mà thói quen không chừa, bỗng bị mất được lại năm rồi lại quấy. Năm 1044 đời Lý Thái-tông (1028-1054) Chiêm-thành đã bị một phen mất hết bờ cõi, cơ-đồ tuyệt diệt. Tuy mà đến đời Lý Thánh-tông (1054-1072) lại quấy nhiễu ngoài biên. «Tháng hai năm kỷ dậu (1069 vua Lý Thánh-tông giao nguyên-phi (tức Y-lan phu-nhân) coi nước, tự làm tướng đi đánh Chiêm-thành. Đánh mãi không hạ nổi, đem quân trở về. Đi đến nhà Cuaiên nghe nhân dân nói Nguyên-phi giúp vua nội-trị, lòng dân vui vẻ, trong cõi được yên. Phong tục bấy giờ sùng thượng Phật-giáo, nên dân mến gọi Ngu ên-phi là quan âm-nữ. Thánh tông phấn khởi nói rằng: «Kẻ kia là một người đàn bà mà phụ làm cho trong nước được yên trị như thế. Ta là đấng nam nhi, đánh mãi Chiêm-thành nhỏ bé mà không hạ nổi! thì có ích gì?» Rồi lại đi đánh thắng trận, bắt được vua Chiêm là Chế-củ (Rudravarma III) và hơn năm vạn người» (*K. đ. V. s*, q. 3, tờ 28 b; G. Maspero, *Le royaume de Champa*, tr. 140-143).

Vua Tự-đức phê rằng: «Lúc bấy giờ há không có đại-thần nào được nước hay sao? Mà để cho người đàn bà dự việc chính-trị để được tiếng xinh? Sử chép sai sự thực, đáng lo lắm. Tuy vậy, ta không nên xét lời phê của vua Tự-đức.

(Xem tiếp trang 18)

Đối câu đối

Viếng liệt-sĩ

Oanh-liệt sao!
Vì nước vì dân,
ba thuấn dựng lại
ngọn cờ vằng,
giang-sơn rạng tỏ
mặt anh hùng,
dạ sắt nghìn vàng
đêm một trận.

***

Ngao ngán nhẽ!
Người còn người khuất,
chín suối khôn tan
bầu huyết đỏ,
giời đất chứ chia
vòng kim cổ,
tượng đồng bia đá
khách muôn thu.

LÃNG NGÂM TỬ

THÀNH NHÀ HỒ

Đây là lời hiểu-dẫn của Đặng Hay-Trứ dưới một bài thơ vịnh thành Tây-đô của tiên-sinh trong Đặng Hoàng-Trung thi sao.

Thấy có nhiều tài-liệu về thành nhà Hồ mà tôi chưa hề được đọc trong các sách báo quốc-văn, tôi gắng dịch đoạn văn thá-vi ấy để hiến những ai muốn biết về thành Tây-đô. Còn về phần giá-trị của tài-liệu, tôi không có tài-lực để bàn đến. Mong các nhà học-giả sẽ ra công khảo xét.

Kể dịch : HÒA-TRAI (Đại-lộc)

« Cứ theo quốc-sử, vua Trần Thuận-Tông năm Quang-Thái đinh-sửu (1397), mùa xuân, tháng giêng, sai Thượng-thư bộ Lại kiêm Đại-sử-lệnh là tổ lĩnh đo động An-tôn tỉnh Thanh-hóa xây thành đào hồ, lập đền miếu, khai đàng ngõ, sắp việc dời đô. bàn định chưa xong, Hành-kiểm Phạm cự-Lượng khuyên ngăn. Quí-Ly chẳng nghe.

« Tháng mười, Quí Ly ép dời đô vào Thanh-hóa, đóng tại Đại-lại rồi sai Hành-khiển Lương Nguyên-Bưu hạ các cung điện Thuy-chương, Đại an, Gạch ngói, cây gỗ thì giao cho các nạt Tả-liêm Nam-sách chở bằng thuyền đến đô mới, giữa đàng gặp gió, vật-liệu bị chìm hơn nửa.

« Sau, Quý-Ly ép vua nhường ngôi cho Thiếu-đế, rồi xưng là Quốc-Ổ Chương-hoàng đế, ở tại cung Bảo Thanh phía tây nam núi Đại-lại.

Năm kỷ-mão (1399) Kiến-tân thứ nhai, thông của xây đô mới gọi là La-thành Năm sau, canh-thìn (1400), Quí-Ly bắt vua Thiếu-đế nhường ngôi cho mình và tự xưng vua, lấy hiệu là Thánh-nguyên, gọi nước là Đại-ngu đổi họ là Hồ.

« Thành nầy xây từ lúc cuối đời nhà Trần, bắt đầu làm năm Đinh-sửu (1397) rồng-rã bốn năm, đến năm Canh-thìn (1400) họ Hồ cướp ngôi. Tới năm thứ bảy triều Hồ Hán-Thương niên-hiệu Khai-đại (1) thứ năm, Đinh-hợi (1407) quân nhà Minh vào thành, họ Hồ mất ngôi. Quân Minh chiếm thành Sau tướng nhà Lê là lũ Lê Lễ vây hãm thành, quân Minh là bọn Trương Phụ cố sức giữ; thành không hạ được. Đến khi quân Minh đã bình, người Tàu về nước, thành bỏ không.

Lại xét : thành ở vùng An-tôn khi trước, tức là ngày nay các ấp Hoa-nhai Phương-nhai Tây-nhai Đông-môn. Bốn cửa thành ra vô ngày nay tức là các đàng phố khi xưa, nên mới lấy tên như thế. Nay các đàng lát đá vẫn còn. Bốn mặt thành đều lót đá xanh láng bóng vuông bằng đứng; thẳng không thể vịn leo.

« Phía cửa nam, chất đá cao làm ba cửa như cửa Châu-tước thành Thăng-long; trên dựng lầu vọng, đục đá làm chín tầng nay trụ-tiêu hãy còn;

« Ở ba phía Đông, Tây, Bắc chỉ dựng đá làm một cửa. Chung quanh các cửa đều chồng đá xanh làm nền, lát gạch nung vuông, dày rất cứng chắc.

« Trong thành có núi Thọ-kỳ có hồ Dục-Tượng. Nền móng các đền đài nay vẫn còn, kỳ dư hư tàn thành ruộng chỗ nào sâu lấy làm là ao hồ khi xưa bỏ hư vậy

« Phía ngoài chân thành rộng được bám sáu tấm, dùng làm đàng đi; một vòng nước bao quanh, khắp mùa xanh biếc. Bốn cửa đều có cầu đá vào thành.

« Ở cửa Nam, một con đàng rộng, thẳng đến Đốn sơn, dài độ vài dặm, lát toàn đá hoa làm *đàng phố* (2) cho nên gọi là Hoa-nhai. Cửa Tây thông thẳng với các núi Thọ-đồn, qua cầu-tuỷ đến thẳng A-lao.

« Cửa Đông thông thẳng đến các núi Bảo-sơn Trác-sơn qua các huyện Quảng-bình Thạch-thành có thể đến đạo Sơn-tây; bên tả có nhà tù (3), có đàng nhỏ (4) đến thẳng các núi Cù-đông, Yên-luân, phía bắc ra Phố-cát bằng huyện Phụng-hóa qua Quyết-độ rồi đến thẳng thành huyện Đông-quan.

(Xem tiếp trang 13)

1) *Hán-Thương có Thiên-hiệu Thiệu-thành (1401 — 1402) và Khai đại (1403 — 1407).*

2) *Nhai sá*

3) *Ngục-đình*

4) *Cước lộ*

Giới thiệu ngoại văn

Nước ta ở giáp ngay phía nam nước Tàu, một nước nhớn nhất nhì thế giới, lại là nguồn gốc của văn minh Á-Đông. Trải mấy ngàn năm tiếp-xúc với nước Tàu, khi Bắc thuộc khi độc-lập, ta đã chịu một ảnh-hưởng rất sâu xa của Tàu về tất cả các phương-diện: chính-trị, phong-hóa, văn-tự, vân vân. Bởi thế cho nên những tư-tưởng của Tàu, từ những câu châm ngôn của cổ thánh-hiền cho đến những tư trào hiện-đại, đối với ta, đều có sự liên-lạc rất mật-thiết.

Đứng trước cuộc thế-giới chiến-tranh này, nước Tàu đối với nước ta tuy đã là bậc tiên-tiến, song đối với liệt cường Đông-Tây thì không khỏi vẫn còn là lạc-hậu: trình độ dân trí, tư-cách cá-nhân, vẫn phải để cho các nhà lãnh-đạo phải tốn công hô-hào, cảnh tỉnh.

Đọc qua những nhời hô-hào cảnh-tỉnh ấy, tôi nhận thấy đều là những bài thuốc « đối chứng lập phương » cả, cần nên áp dụng cho xã-hội ta, để cấp trị ngay những bệnh trầm-trọng mà ta đã mắc phải trong quá nửa thế kỷ nay, vì bị giam cầm, đè nén dưới quyền thống trị của dị tộc.

Cho nên trong khi đọc sách, báo Tàu, tôi lựa được ít bài, đem lược dịch ra đây để cống-hiến đồng bào — Mượn đá núi nọ để mài rũa ngọc ta — mong rằng không hẳn là vô-ích.

(Nhời dịch giả)

***

Sao cho xứng-đáng con người?

Nay có người chỉ vào tôi mà bảo rằng: « Anh hạng là đồ vô-dụng », tức thì trong lòng tôi thấy hổ-thẹn vô cùng. Tôi nghĩ muốn rửa nhục, phương bằng cách nào? Phải phấn-đấu! Phải gắng sức! Phải! Kế-hoạch rửa-nhục ấy tôi đã quyết định rồi.

Người đời mà ngờ mình chăng, đừng lấy làm lạ, chỉ vì mình chưa có cái gì đáng để cho người ta kính-phục đó thôi. Ở cái thế giới thị sức này, mình mà khỏe chăng, mình sẽ thắng; trái lại, mình sẽ thất bại và sẽ bị người ta đè-nén, đời đời kiếp kiếp nín hơi nuốt tiếng, để chịu người ta « vạt rệt ».

Làm người? Làm sao cho xứng đáng con người! Nếu không thì thà chết sớm đi còn hơn, không nên sống để làm chật cái cõi đời cả mình cũng như không.

Không! Cái quan niệm về nhân sinh của tôi không thế. Tôi thiết tưởng:

Ta không thể ươn hèn như ai được, ta phải phấn-đấu, phải gắng sức; ta phải đền bù hết thảy những cái gì mà xã hội đã làm cho ta, phải báo đáp những ân-nhân của ta. Ta là một người bất sĩ thực, tuy có dốt ở như ai, ta chả sợ gì chỉ bằng vào công-lý mà thẳng tiến. Nếu ta có điều nhầm, người chỉ bảo cho, ta rất vui-vẻ nghe theo, không những không bao giờ ta sinh lòng ghen ghét, trái lại ta còn phải làm thế nào để tỏ lòng biết ơn người đã để ý đến ta, đã trông đợi ở ta.

Cuối cùng tôi xin lấy hai câu này mà kết luận

Đi trên đường sáng sủa, làm việc chính-đại, thì dẫu kẻ cừu-địch cũng phải kính-trọng ta. Nếu ta đi vào đường bắc-ám, làm những việc mơ-muội, thì dẫu cha mẹ ta cũng không giúp nổi ta.

(Dịch báo Kiều-Quang)

H. T.

Chính-khí ca

Số 2

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

5— Kể từ qui-dậu bao xa
Đến nay tính đốt chợt vừa mười niên (1).
Long-thành thất thủ (2) hai phen!
Kho tàng hết xạch, quân quyền rời tan.
Đổi thay trải mấy chức quan,
Quyền sinh tựa nghĩa, (3) có gan mấy người.
Trước quan võ-hiện Khâm-sai, (4)
Nay quan tổng đốc, một vài mà thôi.
Ngoài ra võ-giáp (5) văn-khôi (6),
Quan-bào trâm-hốt (7) nhác coi ngợ là.
Thanh-bình nhiễu hại dân nhà,
Tút tham vẻ vẽt không tha miếng gì.
Đến cơn hoạn nạn gian nguy,
Mắt trông ngơ-ngác chân đi gập-ghềnh!

Kể từ năm qui-dậu (1873) đến năm nhâm-ngọ (1882) tính ra vừa được mười năm, thành Thăng-long (Hà-nội) hai lần thất-thủ: kho tàng thì hết sạch, quân quyền thì lia tan, thay đổi biết bao nhiêu chức quan, mà người trung nghĩa không có mấy nỗi! Năm trước thì quan võ bên Khâm-sai Nguyễn-tri Phương, năm nay thì quan tổng đốc Hoàng-Diệu, chỉ có vài vị ấy mà thôi. Ngoài ra văn võ rất nhiều, khi triều phục yên-hương thì ra vẻ oai nghiêm, ai chẳng tưởng nhớ ở những người ấy mà quốc pháp bìnhường? Nào ngờ lúc thái-bình thì nhiễu hại dân, tút tham vẻ vẽt chẳng tha miếng gì, đến khi hoạn nạn thì người nào người nấy chỉ tìm đường chạy trốn cho thoát!

6— Võ như đề-đốc Lê-Trinh,
Cũng là chánh phó lĩnh binh một đoàn.
Đang khi giao-chiến ngang tàng.
Thấy cơ hãm đồ, vội vang cạng ngay!
Khen cho thực cũng ghê thay!
Bảo thần (8) chước ấy ai bày đặt cho?
Thế mà chuyện vẫn hồ đồ,
Rằng quan đề-đốc xuống hồ cửa tây.
Người rằng treo ở cành cây,
Người rằng hẳn xuống giếng này không sai.
Xét tìm ngày một ngày hai,
Rập toan hợp táng ở nơi học đường.
Hỏi ra sau mới biết tường:
Cũng loài ủy tử (9) cũng phường thân sinh (10).
Phép công đáng tội đào chinh (11)
Rồi ra nặng gánh nhân-tình (12) lại thôi!

Quan võ như đề đốc Lê-Trinh, cùng một bọn chánh phó lĩnh-binh, đang kại giao chiến thấy cơ sắp nguy, vội vàng bỏ chạy. Khen cho thực cũng tài! Ai bày đặt cho mưu mẹo ấy, thế mà quân sĩ còn hồ-đồ quan lên rằng: quan đề-đốc xuống hồ cửa tây! Có người đồn rằng: tự tử ở trên cành cây! Lại có người đồn rằng: hẳn là xuống giếng không sai! Bao nhau đi tìm đi hỏi đến vài ba ngày, cũng toan mai táng ở học đường với quan Tổng-tốc Hoàng cùng một chỗ. Sau mới lộ ra cũng là phường ủy-tử tham-sinh! Cứ phép công thì luận tội đào-chinh, thế mà nặng gánh nhân-tình lại được tha!

7— Văn như tuần-phủ nực cười,
Bình-chi là hiệu sáu mươi tuổi già.
Biết bao cơm nặng quốc-gia,
Chiếu trong sĩ-tịch cũng là đại viên.
Chén vàng chưa cạn nhời nguyền,
Nỡ nào mà lại quên liền ngay đi!
Hãy còn lần quất làm chi?
Hay là thương tiếc, mùi gì ở đây?
Hay là còn ý bình Tây?
Xin làm nội-ứng (15) đợi ngày viện binh (16).
Hay là tiếc cái xuân xanh?
Hay là còn chút khổn-hình từ thân? (17)
Ngổn-ngang hết nỗi xa gần,
Cũng toan tịch-cốc (18) mấy lần lại thôi!
Sao không biết thẹn với đời?
Sao không biết hổ với người tận-trung?...

Quan văn như tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng, hiệu là Bình-Chi, đã ngoài sáu mươi tuổi, biết bao nhiêu ơn đền triều-đình, cơm vua lộc nước; kể trong sĩ-tịch thì tuần-phủ cũng là quan to, lại vừa cùng uống rượu thề sống; thế mà nỡ nào quên ngay đi được. Hãy còn lần quất ở cõi trần, để nếm trải mùi gì ở đây? Hay là có ý bình Tây, rồi làm nội ứng để đợi ngày viện binh? Hay là còn tiếc tuổi xuân xanh hay là còn có mẹ già, mà không chết được? Ngổn-ngang trăm mối bên lòng, cũng toan tịch cốc mấy lần rồi lại thôi! Sao không biết thẹn với đời, sao không biết hổ thẹn với người tận trung?...

8— Kia Tôn-thất-Bá niết công (19).
Kim chi ngọc điệp, (20) vốn dòng tông thân (21)
Đã-ghốc lộc, (22) lại sương thần (23)
Cũng nên hết sức kinh luân (24) mới là...
Nước non cũng nước non nhà,
Nỡ nào bán đứt một tòa Thăng-long

Thế xưa liệu đã chẳng xong,
Lại còn mở mặt trong vòng luỡng gian (25).
Tư giao (26) rắp những mưu gian,
Thừa cơ xin chữ hội thương ra ngoài.
Ấy mới khôn! ấy mới tài!
Lần đi tránh tiếng, giục người dối quanh.
Dân công quyền lĩnh tỉnh thành,
Mà toan đổ tội một mình quan trên.
Tội danh thật đã quả nhiên,
Xin đem giao xuống cửa nguyên chế đài (27).

Kể đến Án-sát là Tôn thất Bá, rõ ràng là cành vàng lá ngọc, vốn dòng nhà vua, vừa quốc-tộc vừa quyền-thần, đáng lẽ phải hết sức kinh luân để chống chọi với người mới phải. Giang sơn là giang sơn mình, nỡ nào lại mang danh mất quốc, nếu cơ sự đã không thành, nên quyên sinh vì nước mới phải! Thế mà rắp những mưu-gian từ bao giờ, đến lúc nguy cơ mượn cớ đi hội thương để trốn - tránh cho thoát lại xui người nói dối quanh, thật là tí xảo khôn-ngoan. Rồi lại đáng công đổi quyền lĩnh tỉnh-thành, toan đổ tội một mình quan trên; tội danh thật rõ quả nhiên, xin giao xuống sổ vàng để cụ đồng-tốc Hoàng trị tội.

9 — *Lần lượt kể đến phiên đài (28),*

Xỉ ban (29) cũng đã chẳng ngoài sau mươi,
Chết xong thôi cũng nên đời,
Sống thừa chi để kẻ - cười người chê!
Nhị hà (30) Tản lĩnh (31) đi về,
Giang sơn tuyết chở xương che cũng hiều (32)!
Còn như tự thuộc hạ liêu,
Kẻ công người quả, còn nhiều chan chan.
Biết đâu cho hết mà bàn,
Sau này đã có sử quan phẩm bình... (33)

(Xem tiếp trang 16)

---

1) Chữ niên bên bản nôm của Bác-cổ (A B 3, tờ 2b) viết là năm thì không đúng vần.

2) Thất là mất. Thủ là giữ. Ghép lại nghĩa là mất không giữ được. Thường dùng vào việc thành bại hạ.

3) Quyên sinh tựa nghĩa là bỏ sinh-mệnh đi tới việc nghĩa; phẩm việc gì có nghĩa thì dẫu phải bỏ sinh-mệnh cũng nên làm.

4) Võ-hiển là chức quan trong tứ trụ (bốn cột) của Triều-đình ta: hiện nay là Cần-chính, văn-minh, Võ-hiển, Đông các. Khâm sai nghĩa là vua sai đi. Năm 1873 Cụ Nguyễn-tri-Phương đang có hàm võ-hiển đại-học-sĩ được vua Tự-đức cho làm Khâm mạng đại-thần để kinh lý Bắc-kỳ.

5) Võ giáp là giáp ở đầu 10 hàng thiên can; lại có nghĩa là áo giáp, là binh sĩ, cho nên đùng hai chữ võ giáp ý nói đầu hàng võ.

6) Văn khôi là đầu hàng văn.

7) Quan bào trâm hốt (mũ áo trâm hốt), toàn là đồ triều phục.

8) Bảo thân là giữ mình.

9) Ủy tử là sự chết.

10) Thâu sinh là trôm sống.

11) Đào chính là trốn đi, không ra trận.

12) Bốn chữ « nặng cánh nhân-tình » này có ý-vị lắm. Cho là nghĩa ân đuổi cũng được, hoặc có họ hàng với bên ngoại người cầm quyền, hoặc đem kẽ mỹ-nhân mua chuộc lòng người.

13) Sĩ tịch là sổ tịch quan.

14) Đại viên là quan to.

15) Nội ứng là ứng tiếp ở trong.

16) Viên binh là quân cứu viện.

17) Khổn hình là khuôn phép chốn buồng the. Từ thân là mẹ hiền.

18) Tịch cốc là không ăn ngũ cốc.

19) Niết là chức án sát.

20) Kim chi ngọc diệp là cành vàng lá ngọc, nghĩa là hệ thống nhà vua.

21) Tông thân là họ gần.

22) Quốc tộc là họ nhà vua.

23) Vương thần là bày tôi nhà vua.

24) Kinh luân nghĩa đen là việc xem tơ: tìm từng đầu mối tơ mà chia ra từng sợi gọi là kinh, rồi sợi to nhập vào sợi to, sợi nhỏ nhập vào sợi nhỏ, gọi là luân. Nghĩa bóng là trù định sửa sang việc chính trị.

25) Luỡng gian là hai khoảng, tức là giời đất.

26) Tư giao là giao thông tư.

27) Chế đài là chức tổng đốc.

28) Phiên đài là chức bố chính.

Trong học Việt sử toát yếu (tập Đông, tờ 65 a) chép rằng: « Năm 1882 ... thành Hà-nội bị hãm, tổng đốc là Hoàng Diệu tử tiết, bố chính là Phan văn Tuyển chạy án sát Tôn thất Bá và tuần phủ Hoàng hữu Xứng thương thuyết với người Pháp nhận tỉnh thành ... ». Quốc triều hương khoa (q. 3 tờ 4b) chép: Phan văn Tuyển đỗ cử nhân trường Thừa thiên khoa mậu thân (1848), quê ở làng Chính mông) chính lệnh huyện Chương nghĩa (tức phủ Tư nghĩa), tỉnh Quảng ngãi. Làm đến bố chính Hà-nội. Can về tội thất thủ. Về việc thất thủ, sách tây có những quyển này: Correspondence politique du commandant Rivière au Tonkin, avril 1882 mai 1883; Jean Dupuis, Le Tonkin de 1872 à 1886 histoire et politique; Paulin Vial, Nos premières années au Tonkin; A. Masson, Hanoi pendant la période héroïque 1873-1883 v. v.

29) Xỉ bản là kể tuổi.

30) Nhị hà là khúc sông Hồng hà ở Hà nội; cũng có nghĩa là cả sông Hồng hà.

31) Tản lĩnh là núi linh cốt tản thuộc tỉnh Sơn tây, tục gọi là núi Ba vì.

32) Tự thuộc hạ liêu là những chức quan nhỏ thuộc ở trong tỉnh.

33) Sử quan là quan chép sử. Phẩm bình là chép một chữ khen chê có quan hệ đến danh nghĩa tiết tháo người ta.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 7)

Tháng sáu năm ấy (1069) Lý Thánh-tông ở Chiêm-thành đem quân về. Tháng bảy đến Kinh-thành, hiến phủ ở nhà thái-miếu, giải tù-binh đến tôn miếu, đổi niên-hiệu là Thần-võ ».

Cùng trong năm ấy (1069) « vua Chiêm-thành là Chế-củ bị giam xin dâng đất ba châu để về nước : Lý Thánh-tông bằng lòng cho ». Ba châu là Địa-lý (ở phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình bây giờ), Ma-linh (ở huyện Minh-linh và huyện Do-linh, tỉnh Quảng-trị bây giờ), Bố-chính (ở huyện Bình-chính, huyện Minh-chính và huyện Bố-trạch, tỉnh Quảng-bình bây giờ) (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 29 a-b ; G. Maspero *Le royaume de Champa*, tr. 142).

Ngoài việc binh, việc dân, việc văn, việc võ, có những việc giao-tiếp với các nước láng giềng như sau này :

« Tháng hai năm ất-vị (1055) Chiêm-thành sang cống » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 21 a).

Khoảng tháng mười năm ấy, « nhà Tống sai sứ sang tế đến vua Lý Thái-tông và sắc phong vua Lý Thánh-tông làm Giao-chỉ quận-vương » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 21 b).

« Tháng giêng năm bính-thân (1056) nước Chân-lạp (Cao-mên) sang cống » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 21 b).

Đến « tháng giêng năm đinh-dậu (1057), Thánh-tông sai sứ đem dị-thú (muông thú lạ) cho nhà Tống, nói là con lân. Chức xu-mật-sứ của nhà Tống là Điền-Huống nói rằng : « Đấy là dị-thú, chứ không phải lân ». Tư-mã-Quang nói rằng : « Quả là con lân, nhưng không phải thời, tự-nhiên đến, cũng lấy gì làm điềm tốt. Nếu họ nói dối được, tức là làm trò cười cho phương xa ». Vua Tống tặng lại rất hậu và giả lại con dị-thú » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 22 a b).

« Mùa xuân năm canh-tý (1060) chức Mục ở Lạng-châu (Lang-sơn) là Thân-thiệu-Thái dẫn theo bắt những quân trốn tránh sang cõi nhà Tống, bắt được chức Chỉ huy sứ của nhà Tống là Dương-Bảo-Tài và sĩ tốt, trâu ngựa, đem về ». Đến « tháng bảy quân Tống sang xâm lấn không được, bèn sai Lại-bộ-thị lang là Dư-Tĩnh đến châu Ung hội-nghị, vua Lý sai Phi-gia-Hựu tới dự. Dư-Tĩnh tặng cho Gia-Hựu rất hậu và đưa thư xin giả lại Bảo Tài. Vua ta không cho » (*Đại Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 2 b).

« Tháng giêng năm giáp-thìn (1064) sai sứ sang nhà Tống » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 25 b).

« Năm bính-ngọ (1066) người đi buôn nước Qua-hòe dâng ngọc dạ quang. Vua giả một vạn quan tiền » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 4 a).

« Tháng hai năm đinh-vị (1067) nước Ngưu-nõng và nước Ai-lao dâng cống thứ vàng, bạc, trầm-hương, tê-giác, ngà voi và các hạng thổ ngơi » (*Đ. V. s. k. toàn-thư*, q. 3, tờ 4 a).

Cùng năm ấy (1067) « Sứ nhà Tống sang phong cho vua Lý được khai phủ ngũ đông tam tư, hiến phong làm Nam-bình-vương » (*K. đ. V. s.*, q. 3 tờ 27 a).

« Tháng hai năm mậu-thân (1068) người châu Chân-đăng, (nay phủ Lâm thao, tỉnh Sơn-tây) dâng con voi trắng. Nhân điềm dâng voi, đổi năm ấy làm niên hiệu « Thiên-huống bảo-tượng nghĩa là Trời cho voi báu » (*Đ. V. s. k. toàn-thư*, q. 3, tờ 4 b).

Cùng năm ấy (1068) « Chiêm-thành dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu ngoài biên », vì thế nên xảy ra trận đánh năm 1069 (*Đ. V. s. k. toàn-thư*, q. 3, tờ 4 b).

Đến « năm tân-hợi (1071) Chiêm thành lại sang cống » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 30 b).

Còn việc công-tác thì trên nay đã chép việc làm chùa Sùng-Khánh. Ngoài ra có những việc sau này :

Khi làm vua được hai tháng, tức là « tháng giêng năm ất-vị (1055). Lý Thánh-tông sai sửa các miếu điện trong đại-nội » (*Đ. V. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 1 a).

Đến « mùa đông năm đinh-dậu (1057) dựng hai chùa Thiên phúc và Tuyên thọ, đúc hai pho tượng Phạm-vương và Đế-thích bằng vàng thật để thờ » (*Đ. V. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 2 a).

« Mùa xuân năm mậu-tuất (1058) sửa lại cửa Tường phù (tức là cửa đông thành Thăng long, dựng lên từ năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên, 1010) » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 22 b).

« Tháng tám năm canh-tý (1060) làm hành-cung ở bên cạnh Dâm-đầm (Tây-hồ) để thỉnh thoảng ra xem đánh cá » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 25 a).

« Tháng chín năm bính-ngọ (1066) sai lang tướng là Quách Mãn dựng một cái tháp ở núi Tiên du » (*Đ. V. s. k. toàn thư* q. 3, tờ 4 a).

Cùng với năm dựng Văn miếu tức là năm canh tuất (1070), « dựng điện Tử thần » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 29 b).

Đến « tháng giêng năm tân hợi (1071) vua Lý Thánh tông viết một chữ « Phật » vào tấm bia dài một trượng sáu thước, để ở chùa Tiên du » (*Đ. V. s. k. toàn-thư*, q. 3, tờ 5 b).

Những việc như thế, tuy tỉ mỉ nhưng cũng nên chép vào *dật sự* để làm tài liệu cho việc kê cứu sau này. *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRÀO PHÚNG

TẾ SỐNG MỤT GIÀ

Ngày mồng 5 tháng 6 Dương lịch tức ngày 25 tháng tư năm ất dậu, Chủ-nhân túp Lều-siêu, bấm cái bụng lép, bện chiếc kiệu cao, lấy ba lấy bẩy, bò lê bò càng, kính lấy ba vạn nắm, muối hầm chín nghìn lẻ gạo hôi, dâng trước linh-toạ Lũ Mọt, ô-hô mà than rằng :

Thương ôi ! Bốn nghìn năm cố quốc, trời nghiêng đất lệch bao phen !
Hai mươi triệu đồng bào, bể lên xuống dâu lên lắm *nỗi* !
Nước đục nhặc sứa Cổ khua,
Rạn siêu, tha hồ Bìm *hồi*.
Nhớ Mọt xưa :
Nọc độc hơn Ong,
Mồm tham quá *Mối*,
Bành-bạnh như đàn Rắn lửa, theo đóm ăn tàn,
Loanh-quanh tựa lũ Gà quê, kiếm mồi bên *cối* ;
Sớm ken-két, tối ken-két,
Chẳng thương góc tủ, đáy *hòm* ;
Nay mon-men, mai mon-men,
Sà quản hang thầm, xó *tối* !
Vé-vơ cái bị phô-bày đủ khóe xấu-xa ;
Nịnh hót ôm xiêm, tận hợp bao vùng tanh *thối* !
Đục hết gần, đục hết xa,
Khoét cả ngoại, khoét cả *nội*,
Bao lẽ mất đồ mất đạo, bởi nỗi giao tai,
Làm nhà đỗ cột đổ giằm, tại mi mang *lỗi* !
Tát cạn nước Đông hải, khôn rửa sạch mọi vết nhơ !
Vót hết tre Nam-sơn, khó biên xong bao thứ *tội* !
Một trận vần xoay,
Làm tan chim *nỗi* !
Thôi ! thôi ! Liệu kéo về vườn,
Đừng bày trò rối.
An thường, thủ phận, bạn cùng Gà, Vịt, Trâu, Bò ;
Dưỡng tính, dưỡng thân, vui với cỏ, Lúa, cây-*cối*.
Cái quá, đến bên Cửa Chùa, há miệng ngoan,
Tự tân, lên trước Phật đài, cúi đầu sám *hối*,
Nhân Mọt ấy đi về,
Khiến lòng đây sôi nổi
Gọi là « bầu tạ » mấy bổ
Thêm cả ít vì thiêng một tối. . . !
Xin cỡ chứng-tri,
Đừng vẽ từ-chối !
Thượng hưởng ! !

THÀNH NHÀ HỒ

(Tiếp theo trang 8)

« Ở Cửa Bắc thì có núi Cẩm-bào Xuân-áng kéo dăng phía nam, lại có suối đẹp một dòng, ruộng sâu nghìn thửa bao vòng làm cho kiên - cố.

« Thành Đại-la ; phía tả chạy từ chân núi Cổ Biện-sơn ngang qua các núi Bình bút Cổ đẹp dọc theo sông Bái mà đến thẳng núi Đốn-sơn ở hướng Nam ; phía hữu từ quan-Hoàng sát ven bờ sông Mã, mà đến núi An tộn ở hướng đông. Hai phía tả hữu đều dài suốt vài vạn trượng

« Kể về địa-thế thì sông Bái ôm phía đông, sông Mã ôm phía tây, rồi cả hai đều nhập lại chảy về phía trước ; hai hòn Sất sơn Hoa-sơn đứng đối nhau làm then khóa. Bên tả, phía trong một lớp núi : Hùng-lãnh, Mông-cù, ngoài một lớp : Tam-điệp, Thần phù. Bên hữu, phía trong, một lớp : Thúy đạo Đồng-cổ ; phía ngoài một lớp : Lôi-dương, Đông sơn, Nông-cống Ngọc-sơn. Các dãy núi ấy vòng bọc, bao quanh như chầu phục,

« Thành Hồ-lao của họ Trịnh xưa ở chỗ ấy ; tới Nhuận Hồ lại dùng đất đó mà mất. Đấy nói là tại đức chớ không phải tại chỗ hiểm ư ?

« Quảng-bình tức nay là Quảng-địa.

« Xét nay một đoạn từ Ai-tôn đến Đốn-sơn không có dấu tích thành Đại-la. Ý chừng song cạn đổi dòng đã dẫy cho ấy vào sông Mã chăng ? »

(*Đặng Hoằng trung thi tập* tử thảo, tờ 17a 17b và 18 a).

HOÀ-TRAI *dịch*

Một vài ý-kiến...

(Tiếp theo trang 3)

Trước đây bao nhiêu lâu, chúng tôi đã từng nhiều lần ngỏ ý kiến về những chuyện này.

Không những chúng tôi tán thành sự học bằng quốc ngữ trong 3 lớp dưới, mà chúng tôi trước đây còn muốn có cả một nền tiểu học 5 năm dùng toàn quốc-ngữ để học các môn sử ký, luân-lý, địa-dư, cách trí, v. v... trong đó ở 3 lớp sơ đẳng, trung đẳng và cao-đẳng có học thêm pháp văn nhưng chỉ ở trong những bài tập đọc, âm tả, luận văn, tập dịch mà thôi. Rồi đến thi tiểu-học, cũng dùng toàn quốc ngữ, có thêm mấy bài pháp văn có tính cách không bó buộc (épreuves facultatives). Đấy là một trong những điều cải cách chúng tôi đã nêu lên trong loạt bài năm ngoái ở tạp chí Tri Tân.

Bây giờ tình thế đã khác hẳn. Không có gì bắt buộc chúng ta phải giữ pháp văn trong nền tiểu học nữa. Tiểu học của ta bây giờ phải hoàn toàn chỉ dùng, chỉ học quốc ngữ mà thôi.

Đã không thi « Sơ học yếu lược » nữa thì rồi đây, cái bằng tốt nghiệp của 5 năm tiểu học sẽ không có lý gì gọi là « sơ học bổ túc » nữa : ta chỉ gọi vắn tắt là « bằng tiểu học » cũng đủ.

Trước đây, chúng tôi không nghĩ đến sự bỏ hẳn bằng sơ học yếu lược vì muốn dùng nó để kết thúc bậc sơ học 3 năm có 3 lớp đồng ấu, dự bị và sơ đẳng, trong khi ở trường tiểu học đầy đủ 5 năm, học hết lớp sơ đẳng cứ tự nhiên lên lớp trung đẳng, không phải thi cử gì cả. Đây lại là một điều nữa trong chương trình cải cách của chúng tôi năm ngoái.

Ông bộ trưởng giáo dục có ý muốn cấp tiểu học 5 năm sẽ có tính cách bó buộc. Chúng tôi thiết nghĩ phần lớn dân quê mình nào đâu đã đủ những điều kiện về vật chất để có thể cho hết thảy con em theo đuổi việc học luôn 5 năm. Chỉ nên bắt buộc trẻ em nào cũng phải học hết bậc sơ học 3 năm là đủ lắm rồi. Còn học nhiều hơn nữa là tùy theo sức bố mẹ có thể được hay không.

Chúng tôi muốn làm bàn một vài điều thuộc về chương-trình cấp tiểu-học trước khi được thấy chương-trình chính-thức của bộ học. Chúng tôi chỉ xin nói đến hai môn sử-ký và địa-dư mà thôi, vì về điều này, chúng tôi có một vài ý-kiến muốn bày tỏ

Chương-trình sử-ký của 5 năm tiểu-học đại khái có thể chia ra như sau này :

1) lớp đồng-ấu và dự bị : những cổ tích, những chuyện vặt về danh nhân nước nhà.

2) lớp sơ đẳng : bắt đầu học bản Nam sử theo triều đại, nhưng sơ lược thôi, từ đời Hồng bàng đến bây giờ.

3) lớp trung đẳng : học rõ ràng hơn, từ thượng cổ thời đại cho đến hết thời kỳ thống nhất của nhà Lê.

4) lớp cao đẳng : học tiếp theo cho đến bây giờ.

Có hai điều nhận xét :

a) hết lớp sơ đẳng mà thôi không học nữa, thì ít nhất đứa trẻ cũng đã thấy những đại cương trong lịch sử nước nhà ;

b) bỏ hẳn sử Pháp

Trước đây, trong các sách quốc ngữ của nhà Học chính xuất bản, ta cũng đã thấy có một quyển Sử ký giáo khoa thư lớp Sơ đẳng. Ấy thế mà rồi sau, người ta nhất định không cho tái bản nữa ; thay thế vào quyển ấy, người ta cho ra một quyển Quốc văn sử ký giáo khoa thư, trong đó ta thấy loạc choạc chút ít bài về Nam sử lẫn vào giữa những bài tập đọc khác.

Sở dĩ như thế là vì người Pháp yên trí rằng cho học trò Việt nam học nhiều về quốc sử chỉ là dạy chúng làm cách mệnh mà thôi.

Chương trình về địa dư có thể chia ra như sau này :

1) lớp đồng ấu : những định nghĩa rất sơ lược về núi, sông phương hướng, v. v

2) lớp dự bị : địa dư tỉnh mình những điều rất sơ lược về hình thể quả đất, về ngày đêm năm tháng, về ngũ đại châu, ngũ đại dương v. v...

3) lớp sơ đẳng : địa dư rất sơ lược về toàn thể Đông dương, chú trọng hơn một tí về ba phần của nước Việt nam.

4) lớp trung đẳng : học rõ hơn về mỗi xứ trong cõi Đông dương.

5) lớp cao đẳng : những điều đại cương về năm châu, biết qua loa về các nước trên thế giới, chỉ cần biết nước nào ở đâu và tên những tỉnh thành mà người ta thường đọc trên các báo

Có hai điều nhận xét :

a) hết lớp sơ đẳng mà thôi không học nữa, thì ít nhất đứa trẻ cũng

đã thấy những đại cương trong địa dư nước nhà.

Mà không để cả một năm học đã đủ nước Pháp như trước nữa.

Cũng thuộc vào phạm vi tiểu học, chúng tôi lại còn mong mỏi điều này nữa : xin chính phủ tách hẳn sự học đọc học viết quốc ngữ ra khỏi chương trình lớp đồng ấu, mà cho hoàn toàn tự do, tha hồ dạy trong dân chúng. Bất cứ ai không kể bằng cấp, không kể điều kiện gì, không cần cả xin phép, đều có thể mở ngay tại nhà mình một lớp, dạy trẻ con hay người lớn bỡ đọc học viết quốc-ngữ. Nếu mục đích những lớp ấy không ra ngoài sự học đọc và học viết quốc-ngữ thì tha hồ tự do, các nhà đương-cục đừng làm khó khăn gì cả. Còn nếu là những lớp tuần-tự trên dưới, theo đúng chương-trình nhà nước, thì lẽ tất nhiên phải xin phép, vì đó là một trường tư bằng hoi. Các lớp đồng ấu trường công sẽ chỉ nhận những trẻ nào đã biết đọc biết viết quốc-ngữ rồi.

Thực hành được điều này là một sự vô cùng mầu-nhiệm cho sự truyền-bá quốc-ngữ trong dân chúng. Ta sẽ thấy bất cứ xóm làng nào, lẽ có một người học-lực dở dang qui vào trình-độ lớp sơ-đẳng, trung-đẳng thôi, mà hiện giờ thất-nghiệp, thì người ấy lập tức có thể mở ngay ở nhà mình một lớp quốc ngữ như thế, mà học trò sẽ ngồi chung quanh một tấm phản, một cái chõng tre, cũng học được.

Bây giờ chúng tôi xin nói đến cấp trung học, là cấp học sẽ có 5 năm theo như dự định của ông Hoàng xuân Hãn.

Trung học của người Pháp chia ra làm hai ngành : cận đại và cổ điển. Ngoài những môn học chung, thì ngành cận đại chú trọng về sự học sinh ngữ (tiếng anh, tiếng đức, v. v...) còn ngành cổ điển thì chú trọng về sự học từ ngữ là tinh hy lạp.

Ở bên ta, từ vụ khai trường năm 1942, cũng đã có một ngành trung học cổ điển Á đông, song theo ngành cổ điển Pháp, trong đó sinh ngữ là hoa hy lạp được thay bằng chữ hán.

Trung học của ta sau này bắt tất phải thô chỏng sự tổ chức của trung học Pháp. Chẳng cần phải chia ra cận đại hay cổ điển gì cả. Trong 5 năm trung học, học sinh mình sẽ phải đồng thời vừa chọn học một sinh ngữ hào (tiếng pháp, tiếng anh, v. v...) vừa phải học chữ hán, làm sao cho khi tốt nghiệp, về sinh ngữ, có thể đọc được, viết được, nói được đủ dùng, về hán văn, có thể đọc được bất cứ một bản chữ nho nào và hiểu được nghĩa. Thế là đủ rồi. Chưa cần phải thông thạo văn chương của sinh ngữ ấy, cũng như chưa cần phải đi sâu vào những lý thuyết các triết gia Khổng, Mạnh. Cái đó dành phần cho ngành học cao hơn nữa.

Sinh-ngữ ở cấp trung-học sẽ chỉ học bằng những bài tập đọc, văn tự, luận văn, tập dịch. Ngoài hai môn sinh-ngữ và hán-văn, tất cả những môn khác sẽ học bằng quốc ngữ hết.

***

Hết 5 năm tiểu-học, nếu không muốn lên cấp trung-học, thì học-sinh có thể xoay sang học nghề : sẽ có những trường sơ-đẳng thực-nghiệp như trường kỹ-nghệ, trường thương-mại, trường canh nông, trường giáo viên thiếu sinh (dạy trường sơ học 3 lớp), trường y-tá, trường hàng-hải, trường gia-chánh (cho phụ-nữ) v. v...

Lên một bậc nữa, tốt nghiệp 5 năm trung-học, học-sinh sẽ vào những trường chuyên môn như trường cao đẳng kỹ nghệ, trường cao đẳng thương mại, trường cao đẳng canh nông, trường cao đẳng công chính, trường cao đẳng mỹ thuật, trường chánh y tá, trường sư phạm, trường cao đẳng sinh ngữ, trường cao đẳng hán văn, v.v.

Trường cao đẳng kỹ nghệ sẽ đào tạo những viên đốc công, những thợ rất giỏi về các ngành chuyên môn trong kỹ nghệ giới.

Trường cao đẳng thương mại sẽ đào tạo những người có thể đứng ra giám đốc một hãng buôn, hay vào giúp việc các nhà ngân hàng.

Trường cao đẳng canh nông, cao đẳng công chính sẽ đào tạo những viên cán sự chuyên môn (agents techniques) về hai ngành ấy.

Trường cao-đẳng mỹ-thuật sẽ đào-tạo những hoạ sĩ, kiến-trúc-sư.

Trường chánh-y tá sẽ đào tạo những người giúp việc rất đắc-lực cho các bác sĩ trong các nhà thương

Trường sư - phạm sẽ đào - tạo những giáo-viên dạy trường tiểu-học đủ 5 năm.

Trường cao - đẳng bán-văn sẽ ban - bố một nền học Cổ-điển Á-đông hoàn toàn. Những học-sinh tốt-nghiệp trung học, tức là đã đọc nổi bất cứ bản chữ nho nào, theo học trường này, sẽ thấu-triệt tất cả tinh-hoa triết-học Á-đông, Đây mới là nơi để người ta khảo về các học thuyết Khổng Mạnh, Lão, Trang, là những môn mà ở trường trung học chưa học đến.

Trường cao-đẳng sinh ngữ sẽ dạy cho học sinh thật giỏi về ít nhất là hai sinh ngữ. Tốt nghiệp trường này, học sinh sẽ được coi ngang hàng với một người có bằng tú tài Pháp Nếu muốn sau này trèo lên các trường đại-học văn chương, luật khoa, y khoa, bào chế hay các trường đào tạo kỹ sư thì thế nào cũng phải đi qua trường cao đẳng sinh ngữ này. Phải tốt nghiệp trung học mới vào được trường cao đẳng sinh ngữ. Phải tốt nghiệp trường cao đẳng sinh ngữ mới vào được những trường đại học để học thi cử nhân, tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ hay kỹ sư, Đấy, cao đẳng với đại học khác nhau như thế.

Về việc học ở nước nhà trong hoàn cảnh bây giờ, chúng tôi có một vài ý kiến nhỏ mọn như trên, viết ra đây dám mong giúp ích được một đôi phần trong sự kiến thiết nền giáo dục của nước Việt nam độc lập.

NGUYỄN NHÂN

(Diễn-văn đọc ở Đoàn quân Thanh-niên Vinh - yên ngày 16 - 8 - 1946)

CHÍNH KHÍ CA

(*Tiếp theo trang 11*)

Kể đến bố chính là Phan-văn-Tuyển, cũng đã ngoài sáu mươi tuổi, đáng lẽ cũng nên chết theo quan tổng đốc mới phải là kẻ nhân thần. Thế mà bỏ thành chạy chốn. Sống như thế, thật là sống thừa, sống để cho thiên hạ mỉa mai thì sống làm gì cho nhục ? Thôi thì nay Nhị hà, mai Tản lĩnh cũng liều cho tuyết chở xương che ! Còn đến ty thuộc hạ liêu, kể ra thì cũng có người có công, có người có tội, không sao xiết được, đã có bút của sử quan bình phẩm về sau...

10 — Giăng thanh gió mát thừa lương (34),
Nam song (35) nhân lúc tựa ngồi thong dong,
Xa trông đột ngất Bình phong (36),
Chúc mừng vạn thọ, thánh cung lâu dài.
Rồi ra cả nước duyên hài,
Ra tay khang tế (37), dở tài kinh luân.
Nghiêu thuấn quân, Nghiêu thuấn dân,
Bát thiên thu, bát thiên xuân, thái hòa,
Bây giờ ta mới biết ta,
Tuý tinh khiển hứng ngâm nga tiêu sầu.
O' đời văn võ công hầu,
Nghe lời hỏi chuyện mà dầu dĩ tai.

Nhân buổi giăng trong gió mát, thừa lương tựa cửa Nam song, xa trông về ngọn núi Ngự Bình cao ngất, chúc mừng nay thánh thọ vô cương. Rồi ra như cá gặp nước, như mây gặp rồng, sẽ nảy ra những tài kinh luân khang tế, làm cho vua được như vua Nghiêu vua Thuấn, dân được như dân Nghiêu Thuấn, tám nghìn thu lại tám nghìn xuân, thiên hạ thái hoà. Bây giờ ta mới biết ta, khi say khi tỉnh ngâm nga mấy câu cho giải muộn tiêu sầu ! Ở đời nào văn, nào võ, nào công, nào hầu, nghe lời nói chuyện mà buồn rầu cả tai !

11 — Nôm na Chính-khí một bài.
Để cho thiên hạ người người khuyên răn.
Ngán thay cho cái phong trần,
Tiếc thay cho kẻ trung thần lầm thay !
Vì ai nên nỗi nước này.
Để người danh-tiết biết ngày nào quên.
Giải Nhị-hà, cõi giang biên,
Trăm năm tiêu cốt để nghìn người coi !

Một bài *Chính-khí* nôm này, để cho thiên-hạ khuyên răn. Ngán thay cho cái kiếp hồng trần tiếc thay cho những kẻ trung thần ! Vì ai nên nỗi nước này, để người danh-tiết được lưu-phương muôn thuở ! Trông giải nước sông Nhị-hà, nhìn cõi đất ở bên sông, trăm năm thịt nát xương tan, chỉ còn cái tiếng ở thế-gian lâu dài.

12 — Họ Hoàng tổng-đốc là ai ?
Anh-hùng khảng - khái vẫn người cõi nam.
Ngồi thành Hà-nội mấy năm
Một phương cõi bắc ngửa nom thế nào ?
Hoả-công khéo-khéo làm sao,
Đem loài cầm độc (38) lộn vào y-quan !
Hồi tanh muốn dặm giang san,
Đã không tuẫn tử (39) lại toan bội hòa.
Mấy phen thỉnh-chiếu không thư,

Lại toan đỡ mặt sơn hà nước Nam,
Nào ngờ những kẻ gian sàm (40),
Muốn làm mà chẳng cho làm biết sao!

Quan tổng-đốc Hoàng là người thế nào? Là bậc anh-hùng khảng khái, quê ở Quảng-nam. Ra làm tổng đốc Hà-nội đã được ba năm, một vùng Hà-nội Ninh bình đã thấm nhuần ơn đức Hoá-công sao khéo chêu ngươi, cho những phường lòng chim dạ thú lẫn lộn vào bọn y-quan làm cho muôn dặm giang sơn cũng bị hối tanh. Đã không biết chết theo cho đành phận, lại toan phan bội cầu hòa với giặc. Những bậc trung quân ái quốc, đã mấy lần dâng sớ xin đánh, để lấy lại giang sơn nước nhà. Nào ngờ có những kẻ gian nịnh, làm cho ngăn trở, thì làm sao nổi!

13) Vậy nên di hạ (41) hỗn hào,
Trường xa đắc thế cứ nào thăng-long.
Một cơn tiễn đạn (42) đùng đùng,
Rõ ràng lũ quỷ đã dung trường thành.
Trung trinh ấy mới trung-trinh,
Một mình giữ một cơ-thành mà thôi.
Biết cơ thành bại ở giời,
Quyết đem danh nghĩa để đời thử trông.
Thong dong ra lạy sân rồng,
Tới ra Võ-miếu (43) nằm trông đừng hiên.
Thương ôi! một dạ trung kiên,
Vì đâu thương-hải, tang-điền vì đâu?
Nghĩa năm giới rộng bể sâu,
Chữ danh tiết để dễ hầu có ai?

Vậy nên man di với hoa-hạ lẫn lộn, ví nhiệt cân trường, xà rắn dài, dắc thế, sứ-tựa vào thăng-long. Một khi đã tên đạn nổ đùng đùng rõ ràng lũ quỷ đã vào được trường thành. Thế mà quan tổng-đốc Hoàng [illegible] trinh, giữ lấy cô-thành cho đến lúc chết: trung-trinh như thế mới thật là trung-trinh. Biết cơ được thua vốn tự giời, mà vẫn quyết đem danh nghĩa để cho đời làm gương chung. Trong dong lạy trước bành-cung, rồi đi ra Võ-miếu để định theo tiên hiền. Thương thay! một dạ trung-trung! vì đâu thương-hải tang-điền! Mông-mênh bể rộng gió cao mà người trung nghĩa dễ hầu mấy ai?

Nào người thao lược (44) cân đai?
Nào người khoa mục chân tài tham khôi?
Giang sơn để nặng cho ai,
Để người chín suối ngậm cười thế (45) ru?
Kia như người Quản Di Ngô
Bá-đồ còn biết phục thù nhương di (46)
Huống chi cũng đạo Chu-y, (47)
Thăng-long nỡ để tiếu di tung-hoành.
Không xem cơm áo triều-đình,
Nhẽ nào ngảnh mặt làm thinh cho rồi?
Sự đời đến thế thì thôi,
Triều-đình còn có được người nào không?
Hay là thức thủ cho xong.
Giang sơn để mặc anh-hùng chịu đen!

Nào ai là người thông lược thao tam lược, rạng vẻ đai cân? Nào ai là người khoa giáp thiên tài, tam khôi thấm bảng? Giang sơn trao gánh nặng cho ai? để cho người ở nơi chín suối ngậm cười! Kia như Quản-Trọng (Quản Di-Ngô) là tướng của Tề Hoàn-công làm cho Tề-Hoàn thành bá-nghiệp, thế mà còn biết phục thù đánh di-địch, huống chi mình đây cũng theo đạo Y-Doãn, Chu-công, mà nỡ để cho bọn tiểu-đồ tung-hoành ở Thăng-long! Không nhớ đến lớm, vua lộc nước, nên mới nỡ lòng ngảnh mặt làm thinh! Việc đời đến thế [illegible] triều đình chẳng có [illegible] Hay là bó tay chịu chết còn hơn, giang-sơn phó mặc anh hùng chịu đen.

Mặt mờ trắng lớn sới đen,
Thôi thôi non nước còn bền được đâu?
Hỡi quan tổng-đốc nơi nào?

(Xem tiếp trang 20

---

34) *Thừa lương là hóng mát.*

35) *Nam song là cửa sổ phía Nam.*

36) *Bình phong là nói Ngự bình.*

37) *Khang tế là yêu giao. Nguyên kinh thư có chữ « khang tế tiểu dân » nghĩa là yêu chỗ ở cần dân, thành cai nghiệp cho dân.*

38) *Cầm là loài cầm. Độc là loài thú.*

39) *Tuẫn tử là chết theo.*

40) *Gian sàm là kẻ gian-thần hay dèm pha.*

41) *Di là mọi rợ, Hạ là Trung-hoa.*

42) *Tiễn là mũi tên, đạn là hòn đạn.*

43) *Võ-miếu thờ ức Quan-công.*

44) *Thao nghĩa đen là áo để bọc cung kiếm. Lại có nghĩa là binh-pháp. Lược nghĩa đen là mưu chước. Lục thao là sách binh thư của Thái công ra giúp nhà Chu; sáu binh-pháp ấy là văn, võ, long, hổ, báo, khuyển. Tam-lược là binh-thư của Hoàng Thạch công truyền cho Trương-Lương. Do điển [illegible] đời sau dùng chữ thao lược hoặc lục thao tam lược để khen người giỏi võ.*

45) *Quản Di Ngô tức Quản Trọng người đời Xuân thu [illegible] Tề-Hoàn-công, làm cho Tề Hoàn nổi tiếng bá-nghiệp.*

46) *Nhương di là bài trừ di-địch, đời xuân thu, bọn Tề-Hoàn Tấn, vẫn lấy việc tôn nhà Chu (tức là tôn Thiên-tử) bài trừ di-địch để hiệu triệu các nước hãy khác.*

47) *Y-Doãn là tướng của Thái giáp nhà Thương, Chu-công là tướng của Thành-vương nhà Chu, đều là những bậc nhân thần làm cho vua được thánh minh, điều mà nước được thái-bình thịnh-trị.*

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« *Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan đã.* »

(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 33

Đầu rức, chân tay buồn bã, An Tư muốn quyên sinh ngay tức thắc ; Nàng nhìn sang Thoát Hoan, thấy mặt y hốc hác, nước da xanh xanh. Đấy, viên tướng mà quân Nguyên tôn phục như thần minh.

Nét mặt được một vẻ gì như lo sợ không yên. Lần đầu tên An Tư nhận thấy sự thay đổi ấy trên nét mặt lạnh lùng và nham hiểm.

Nàng có chút vui sướng. Dẫu chẳng có tài phi thường như Tây tử, An Tư cũng tự hào đã gây được sự suy đồi rõ rệt kia. Gạt bỏ những phiền và hoài nghi vô căn cứ, nàng bước xuống giường, sai thị nữ lấy nước thơm để nàng tắm gội theo lệ ngày thường ; đấy là một cách của nàng để rửa gột nhơ nhuốc.

Thoát Hoan ngủ li bì, mãi đến trưa mới ra coi việc quân. Hôm ấy bệnh dịch lại càng dữ, người chết gấp hai hôm trước. Luôn hai hôm sau, chết có đến hàng vạn quân. Lại thêm lương thực cạn, chỉ các tướng là đủ ăn, còn quân sĩ thì đói hết. Lương thực ở Trung hoa không vận tải sang được. Ở các làng mạc, dân gian không để một thứ gì, trâu bò lợn gà, ngô thóc khoai đậu cho đến các thứ hoa quả đều nhẵn cả. Quân Nguyên phải giết ngựa đem ăn. Mà ngựa cũng gầy yếu, vì chỗ nào có cỏ cho ngựa ăn cũng bị dân ra cắt hết hay đốt cháy sạch. Đã đem mấy trăm người cắt trộm như thế hành hình để thị uy mà vẫn không sao trừ tiệt được cái nạn ấy. Quân Mông-cổ vốn trọng cỏ, thờ cỏ như một vị thần, vì cỏ nuôi sống ngựa là súc vật thân của họ trên đường trường. Họ tin rằng chỗ nào có cỏ là thắng, chỗ nào không có là thua. Thấy ngựa chết đi nhiều, họ nản thêm. Thất vọng lan hầu hết đám quân sĩ.

Bệnh dịch mỗi ngày một hoành hành. Có hơn nửa tháng trời, quân sĩ chết đến năm vạn người Thoát Hoan lo nghĩ không biết dùng mưu gì. Muốn tiến binh, thì quân sinh lực chỉ còn mươi vạn, lại phải chia đi khắp nơi để đàn áp những đám dân quân nổi lên. Quân sĩ càng thêm xao xuyến, Thoát Hoan phải đem chém mấy chục người để làm gương mà vẫn không yên.

Lại gặp một trận bão lớn nhất từ xưa đến nay, kéo rống rã luôn bốn hôm trời. Quân sĩ không đi đâu được, để cướp lương thực, co ro nằm trong trại nhìn trời mưa mù mịt, bão cuốn tung trời. Suốt cõi kinh thành như chim dưới bể nước. Nỗi buồn của khách xa tràng càng thêm thấm thía. Trong những ngày dài đằng đặc, không có việc gì nên nặng nề nỗi tư bương xâm chiếm lòng chiến sĩ, mạnh đến nỗi họ đều có ý tưởng muốn lui binh và bàn tán với nhau :

— Nước Nam nhiều vượng khí, chưa chắc đã lấy được đâu. Chính Ô tướng-quân anh hùng là thế, mà độ trước thấy một tên sứ giả của chúng đối đáp cứng cỏi, cũng phải cảm phục và khen nước Nam nhiều người tài chưa dễ đánh được nữa là...

Sau trận bão, trời mát mẻ được một hai hôm, rồi lại nắng gắt ngay. Người chết về bệnh dịch vẫn nhiều. Giữa lúc ấy, một tin như xét đánh làm trấn động hết cả quân Nguyên : Tao Đô tướng lớn ở Hàn-tử quan, quân sĩ chết có hàng vạn, binh truyền mất kể hàng trăm !

Tiếp đến tin Trần Quang Khải đã kéo đại đội chiến thuyền ngược sông Phú-lương kéo lên, tướng sĩ người nào cũng thề thu phục Thăng long, khí thế rất là hăng hái.

Hoan triệu tập tướng sĩ bàn kế chống cự. Phàn Tiếp nói ;

— Quân địch đi vòng từ Thanh hóa, đường trường vất vả, cứ như ngu ý, Điện hạ nên đợi cho binh thuyền chúng đến gần hãy đánh, dễ đặt dấu lao, ắt là được trận.

Thoát Hoan nghe nhời, sai Phàn Tiếp Ảo lỗ Xích, Tích Lệ, Cơ Ngọc, dẫn chiến thuyền ra phục ở bến Chương - dương đợi quân Trần quang-Khải.

Bấy giờ quân Chiêu-minh vương đã qua cửa Nam-triệu vào sông Thái-bình, sang sông Phú-lương, thuyền đi vùn vụt như tên bay. Quân sĩ thực sống như một ngày hội, tiếng ca bắt vang lừng. Trước khi lên đường, họ đã thề độc :

— Đứa nào lùi một bước, thì ba họ tiệt diệt, con cháu muôn đời không sao mở mày mở mặt ra được nữa

Ở Thanh hóa, trước khi lên đường, Chiêu minh vương đã cho làm một lá cờ đỏ đề bốn chữ « Sát Thát phục quốc », dựng ở ngay mũi thuyền mình. Lá cờ cao cho tất cả các thuyền đều trông thấy được. Đoàn thuyền chèo mau, để lại những tiếng ca vui vẻ. Trẩng sĩ nhìn ra hai bên, cảm khái nồng nàn, vừa hân hoan vừa phấn nộ. Vui vì sắp được đánh giặc, giận vì thấy chỗ nào cũng bày ra một cảnh tàn phá hãi hùng. Họ nhìn nhau, đường nói :

— Hỡi anh em đồng bào ! Đợi ta ra phá quân thù, đem lại thái bình thịnh trị cho non sông ! Hãy nán lòng vài bữa nữa, cũng không lâu, đây đã đến thời kỳ phục quốc.

Khắp các làng ở hai bên đều đàn bày hương án bái vọng những nghĩa sĩ đã về. Những trai tráng lũ lượt kéo ra, xin sung vào các đội, các quân, mà dù không được đeo kiếm bắn cung, thì cũng cố xin cho được làm một tỏa đầu quân hay một thủy thủ. Thuyền bè ở đâu kéo ra, nối theo chiến thuyền, bội phần thanh thế. Lạ nhất là đoàn dân quân của hai anh Nguyễn Khả Lạp và Nguyễn Chuyên. Trong khi quan quân chạy vào Thanh, hai người nông dân trẻ tuổi này đã đứng lên cử tập các trại tráng khắp vùng, tổ chức thành một đoàn nghĩa binh rất có kỷ luật trên hai vạn người, sắm khí giới, tạo chiến thuyền, chuyên môn đi đánh úp các đồn lẻ, phá hại đường giao thông, hủy hoại mùa màng không cho giặc dùng, bảo vệ những người lương thiện.

Những thành tích của đoàn quân này đã lừng lẫy. Nay nghe tin quân Chiêu minh Vương ra, hai anh em kéo chiến thuyền đến sáp nhập vào quân quân. Quang Khải lúc đầu tưởng chỉ là một lũ người ô hợp, nhưng đến lúc ra xem lấy làm ngạc nhiên thấy đâu quân tề chỉnh, kỷ luật phân minh, khí giới sung túc, người nào cũng khỏe mạnh, giỏi võ nghệ có phần hơn quân Triều-đình, có chăng chỉ kém về y phục và cờ hiệu.

Khi tiếp hai anh em, sự ngạc nhiên của Thượng tướng lại lên một từng nữa. Ấy là hai người thanh niên chưa đến 30 tuổi, tầm thước, lanh lợi. Hỏi đến chữ nghĩa thì không biết gì mấy, nhưng hỏi về cách xếp đặt chỉ huy, thì thông thạo đủ đường. Các mánh khóe trong sự dùng binh thì lại càng hơn người.

Quang Khải yêu ngay, sai làm tiệc khoản đãi, ngồi nói chuyện thâu canh với hai anh em. Từ đó cho ở luôn bên mình, bàn luận việc tiến binh. Hai bên bờ sông, các bô già đứng chắp tay mắt nhòa vì tuổi tác và vui mừng. Họ tưởng trong thuyền có Quốc công Hưng Đạo nên họ khấn :

— Lậy trời cho Quốc công phá được giặc dữ phen này. Chúng con gần kề miệng lỗ, tưởng là chết đi không trông thấy cảnh trùng hưng, ai ngờ lại được trông thấy uy nghi nước cũ như kia.

Chiêu minh Vương vừa đến địa phận Tứ-mã, bỗng có một đoàn thuyền ở đằng trước mặt tiến lại. Quân Tiền đạo báo cho Trung quân. Mọi người đã sắp sẵn cung tên đao kiếm, và hô vang lừng khẩu hiệu « Sát Thát ». Nhưng ở đằng xa cũng vọng lại tiếng hô « Sát Thát » vui vẻ.

Quang Khải nói :

— Lại dân quân chứ chả không !

Theo sau thuyền thám thính, là một chiến thuyền lớn, phấp phới lá cờ Tinh-cương. Một tướng đứng đầu, mặt gầy, mắt sáng, tươi cười nói sang :

— Tiền tướng vâng lệnh Chiêu văn Vương, chờ quân Thượng-tướng ở đây để cùng đi đánh Thoát Hoan.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

BÁO MỚI

Chúng tôi được tin đến 6-6-1945 tuần báo Dân mới sẽ xuất bản số đầu. Tòa báo ở 15 phố Nhà-Chung Hanoi.

Xin có lời mừng bạn đồng nghiệp và chúc bạn được hoàn nghênh.

Tri Tân

Văn tế các tướng sĩ...

(Tiếp theo trang 4)

Nay hỉ cỏ xanh ở đồng, vầng trăng ở cung, hồn thiêng về, lòng ấy hoặc sẽ được yên ủi. Rượu ta khà uống, thông đến suối vàng, cỗ ta khà ăn chung cùng xương trắng. Các ngươi vong linh thôi đau bà con gái hồn ma vẫn cứ tỏi mạnh mẽ như thường; sẽ xem nhũng quân giặc tây kia, chết thối vùi sâu ở trong nấm đất lớn.

Thương ôi! TRÚC-KHÊ *dịch*

CHÍNH KHÍ CA

(Tiếp theo trang 17)

Ngất giời một đám cỏ khao rầu rầu,
Nỗi niềm trông thấy mà đau,
Nỗi lòng ai giải cho nhau hết lòng?
Anh-hùng mới biết anh-hùng...

Trắng đen lẫn lộn, thì nước còn vững bền sao được? Thương ôi! quan tổng-đốc ở nơi nào? trông chỉ thấy một đám cỏ khao xanh rì! nỗi niềm trông thấy mà đau, nỗi lòng ai tỏ cho nhau! chỉ có người anh-hùng mới biết việc anh-hùng.

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

48) Cột, ngày bên bản nôm viết chữ đán, xưa nay vẫn đọc là [illegible], nhưng chữ đan ở chỗ này phải đọc là đám mới.

49) Cỏ khao là thứ cỏ thuộc về loài ngải.

50) Chữ nhau bên bản nôm của Bác cố viết là chữ ai không đúng, vì sai vần.

Về cuốn Đông Kinh Nghĩa Thục

Nhà in Tri Tân bận nhiều công việc, nên không in cuốn Đông kinh Nghĩa Thục của Hoa-Bằng được nữa,

Đó là một điều bất đã: dĩ, xin lỗi các bạn

Nhà in TRI-TÂN

Cải chính

Trong bài xã-thuyết « Về vườn hơi muộn » có mấy chữ sắp sai, xin đọc lại: *du luận*, tiểu ẩn (in là triều ẩn) Ngô văn Dụng (in là Ngô văn Đăng) trí (in nhầm là tự).

MỤC LỤC Số 190

Về vườn hơi muộn... *Ng.-tường Phượng*
Việc học ở nước ta *Nguyễn-Xuân*
Văn tế các tướng sĩ trận vong *Trúc Khê*
Đại nam đế sự (LVII) *Ưng-Hòe*
Vũng hiệu *Lãng-ngâm-Cư*
Thành nhà Hồ *Hồa-Trai*
Giới thiệu văn-thơ *L.T*
Chính khí Ca *Nguyễn-văn-Tố*
Tế sống một già (trào phúng) *Ái Ngọ*
An-tư (tiểu-thuyết, XXXII) *Ng-huy-Tường*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

Duy nhất

cơ-quan kiến-thiết một nền văn-hóa mới duy-nhất khoa-học và Đạo-học

Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15

Tòa soạn tại Nam định hộp thơ số 20

Giá báo

mỗi số 1$50
6 tháng 18$00
một năm 35$00

Công-sở và các hội giá gấp đôi.

Thư và ngân phiếu mua báo gửi về ông Lý quốc-Sinh

Nhà In Quang-Hoa 173 — Hàng Bông Hanoi
Tổng phát-hành

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941
Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chaucanlme, Hanoi